

QUAN HỆ DÂN TỘC XUYÊN BIÊN GIỚI TRONG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ Ở MỘT SỐ TỘC NGƯỜI VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC

LÝ HÀNH SƠN

Vùng miền núi phía Bắc Việt Nam gồm hai tiểu vùng Đông Bắc, Tây Bắc. Đến nay, vùng này vẫn là nơi sinh sống chủ yếu của các dân tộc thiểu số thuộc các nhóm ngôn ngữ: Tày - Thái và Kadai, Môn - Khơ-me, Hmông - Dao, Hán, Tạng - Miến. Hầu hết các dân tộc này có nguồn gốc lịch sử từ bên kia biên giới, do đó, không chỉ có người đồng tộc ở bên kia đường biên, mà ở đó có nhiều dân tộc với dân số đông gấp bội so với người đồng tộc ở Việt Nam. Vì vậy, việc qua lại biên giới quốc gia trong hoạt động kinh tế, văn hóa... giữa các dân tộc diễn ra đã lâu đời mà nay vẫn được duy trì, thậm chí được tăng cường hơn, tạo nên những tương đồng về đặc điểm tộc người giữa một số dân tộc ở hai bên biên giới thuộc vùng miền núi phía Bắc Việt Nam, Tây Nam Trung Quốc và Đông Bắc Lào.

Với một địa bàn trọng điểm về quốc phòng và có những đặc thù về thành phần dân tộc, nghiên cứu quan hệ dân tộc ở vùng miền núi phía Bắc luôn được các nhà khoa học quan tâm, nhất là gần đây. Có thể kể đến một số công trình do các nhà nghiên cứu ở trong và ngoài Viện Dân tộc học thực hiện, như: *Một số suy nghĩ về lãnh thổ tộc người và các âm mưu chính trị của bọn dân tộc chủ nghĩa Sôvanh trên vấn đề biên giới quốc gia* (Nguyễn Nam Tiến, 1978); *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc*

Việt Nam (Nguyễn Chí Huyền, Hoàng Hoa Toàn, Lương Văn Bảo, 2000); *Quan hệ dân tộc ở vùng biên giới Việt - Lào* (Lý Hành Sơn, 2008); *Một số vấn đề bức xúc của đồng bào dân tộc Tày, Nùng, Giáy trong quá trình phát triển kinh tế vùng biên ở Lạng Sơn và Lào Cai* (Đặng Thanh Phương, 2010); *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc dưới tác động của sự phát triển vùng biên giới Việt - Trung* (Nghiên cứu về người Hà Nhì ở một làng của tỉnh Lào Cai và một làng thuộc châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc) (Vương Xuân Tình, 2011); *Một số vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc vùng biên giới của hai nước Việt Nam - Trung Quốc* (Trường hợp vùng Tây Bắc Việt Nam và tỉnh Vân Nam Trung Quốc) (Trần Thị Mai Lan, 2011); *Suy nghĩ về sự ổn định của biên giới từ thực tế phát triển kinh tế ở hai vùng biên giới Việt - Trung* (Bùi Xuân Đỉnh, 2011); *Nghiên cứu dân tộc Hmông ở vùng biên giới Lào - Việt* (Phạm Quang Hoan, 2012)... Từ các nghiên cứu ấy cùng với kết quả khảo sát dân tộc học tại các tỉnh Cao Bằng, Điện Biên, Lào Cai vào cuối năm 2013 và đầu năm 2014, bài viết này chỉ đề cập khái quát về quan hệ dân tộc xuyên biên giới trong hoạt động kinh tế ở các tộc người Nùng, Thái, Hmông và Hà Nhì.

Về khái niệm, dưới góc nhìn dân tộc học, quan hệ dân tộc được hiểu là các mối

liên hệ, liên kết, cố kết, chia tách... giữa các cá nhân, gia đình, dòng họ, tổ chức, cộng đồng... trong mỗi dân tộc hoặc giữa các dân tộc. Vì vậy, quan hệ dân tộc xuyên biên giới là quan hệ qua lại đường biên giới của hai quốc gia láng giềng giữa các cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư, tổ chức... trong một dân tộc hay khác dân tộc. Nói cách khác, đó là quan hệ giữa những người đồng tộc và khác tộc diễn ra qua đường biên giới của hai quốc gia liền kề.

Quan hệ dân tộc xuyên biên giới vốn xuất hiện từ lâu trong lịch sử, được biểu hiện trong hầu hết các lĩnh vực như nguồn gốc lịch sử tộc người, hoạt động kinh tế, phong tục tập quán, sinh hoạt xã hội, giao lưu văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng... Trong bối cảnh toàn cầu hóa, với sự tác động của giao thông hiện đại cũng như thông tin, truyền thông và kinh tế thị trường, các quan hệ ấy không chỉ gia tăng trong phạm vi hai quốc gia có chung đường biên giới, mà còn vươn tới nhiều quốc gia khác có người đồng tộc, đồng tôn giáo...

1. Khái quát về tình hình quan hệ xuyên biên giới của các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc

Đến nay, hầu hết các dân tộc thiểu số ở các tỉnh, nhất là các tỉnh biên giới vùng miền núi phía Bắc có người đồng tộc ở bên kia đường biên đều duy trì các mối quan hệ họ hàng, thông gia và láng giềng. Ở một số dân tộc, chẳng hạn như người Thái tại các huyện Điện Biên, Sông Mã (Sơn La), Mường Lát (Thanh Hóa) hoặc Kỳ Sơn (Nghệ An), các quan hệ này được thực hiện bởi việc xác định đường biên giới Việt - Lào theo *Hiệp ước hoạch định đường biên giới quốc gia năm 1977*, kể cả những nơi họ mới từ Lào,

Trung Quốc di cư đến lập nghiệp vào những năm đầu thế kỷ XX. Trong khi đó, quan hệ họ hàng, láng giềng đồng tộc ở người Hmông nơi đây lại vượt ra ngoài phạm vi cư trú và xuyên quốc gia. Qua kết quả nghiên cứu thực tế, khắp các địa bàn biên giới Tây Bắc và Đông Bắc, từ Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu... đến Nghệ An - nơi có người Hmông cư trú đều xuất hiện các mối quan hệ giữa họ với người đồng tộc ở bên kia đường biên giới. Nhờ tập quán di cư tự do và các quan hệ dòng tộc, người Hmông ở các vùng miền trong nước và ở các nước khác đã tạo được mạng lưới kết nối các mối liên hệ, trao đổi thông tin lẫn nhau từ vùng này đến vùng khác, từ Việt Nam đến Lào, Trung Quốc và nhiều nước khác trên thế giới. Còn các dân tộc như Nùng ở Cao Bằng và Lạng Sơn, Hà Nhì ở Điện Biên, Lai Châu và Lào Cai đều có quan hệ họ hàng, đồng tộc láng giềng qua đường biên giới, nhất là các quan hệ thông gia trên cơ sở hôn nhân. Các đặc điểm đó là một trong những yếu tố quan trọng đã từ lâu để thiết lập, duy trì các quan hệ về kinh tế, song, trong bối cảnh cơ chế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay, các quan hệ kinh tế xuyên biên giới ở các tộc người mới trở nên đa dạng hơn về hình thức.

1.1. Quan hệ trong trao đổi giống cây trồng vật nuôi, hỗ trợ nhân lực

Quan hệ kinh tế qua biên giới bởi trao đổi giống cây trồng và vật nuôi, hỗ trợ nhân lực... hiện nay đang phát triển ở nhiều dân tộc tại hai bên biên giới Việt - Lào, Việt - Trung. Riêng trao đổi giống cây trồng, những địa bàn phía Việt Nam trồng giống lúa và ngô lai đều thấy người dân phía Lào sang lấy các giống ấy, ngược

lại, những nơi và những tộc người ở Việt Nam còn gieo lúa nương, ngô nếp trắng thì sang Lào lấy hạt giống ở người họ hàng. Thực tế này đều thấy phổ biến khi khảo sát người Nùng ở xã Cô Mười (Trà Lĩnh, Cao Bằng); nhất là với người Hmông ở xã Mường Nhé và người Hà Nhì ở xã Xín Thầu (Mường Nhé, Điện Biên). Việc trao đổi vật nuôi đã xuất hiện từ lâu đối với người Nùng ở các địa bàn biên giới thuộc hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn, chủ yếu người dân ở phía Việt Nam sang xin hoặc mua giá rẻ từ người họ hàng ở bên Trung Quốc các con giống như vịt, ngan, gà về nuôi, bởi chúng dễ nuôi, chóng lớn và to hơn giống địa phương nhiều. Tập quán hỗ trợ nhân lực cũng vậy, người dân các tộc người ở hai bên biên giới thường qua lại đường biên để giúp nhau trong các dịp tra hạt giống, thu hoạch sản phẩm... Đặc biệt, ở vùng biên giới Việt - Trung thuộc tỉnh Lào Cai, người Hmông ở xã Bản Lầu (huyện Mường Khương) và người Dao ở xã Bản Phiệt (huyện Bảo Thắng) còn sang Trung Quốc học tập ở người họ hàng về cách trồng chuối và dứa, rồi đem giống về trồng trên đất của mình để bán cho người Trung Quốc (Bùi Xuân Đính, 2011, tr. 2-3).

Qua khảo sát thực địa vào tháng 4/2014, theo báo cáo của lãnh đạo xã Bản Lầu, tính đến đầu năm 2014, ngoài chuối và dứa, người dân xã này còn có vùng chè - 100ha, ngô - 400ha, cao su - trên 90ha... Trong đó, chuối và dứa ở đây đã được chuyên canh theo hướng hàng hóa, không những trở thành cây xóa đói, giảm nghèo mà còn là cây làm giàu của đồng bào Hmông nơi đây. Cụ thể như vụ mùa năm 2012 - 2013, diện tích dứa cho thu hoạch của xã

Bản Lầu là 500ha, sản lượng ước đạt 12.000 tấn, giá trị kinh tế trên 50 tỷ đồng. Với giá dứa bán sang Trung Quốc từ 1,5 đến 1,7 nhân dân tệ/kg, tương đương với hơn 5.000 đồng Việt Nam nên người dân nơi đây rất phấn khởi. Dứa Bản Lầu trồng chủ yếu tại các thôn người Hmông như Na Lốc, Cốc Phương, Na Mạ, Pạc Bo... Nhờ trồng dứa, nhiều hộ dân Hmông có nguồn thu dứa từ 100 đến 300 triệu đồng/năm, điển hình như gia đình các ông Thào Diu, Thào Dìn, Thào Thắng, Giàng Chúng, ở thôn Cốc Phương; Cư Vư, Cư Phừ... ở thôn Na Lốc.

1.2. Quan hệ mua bán qua đường biên giới

Qua kết quả khảo sát, ngày càng gia tăng các quan hệ mua bán dưới nhiều hình thức: bán hàng lưu động, thuê chỗ trong chợ giáp biên, mở quầy bán tại nhà người thân... Trong đó, bán hàng lưu động chiếm số đông với nhiều nhóm khác nhau. Có nhóm chỉ bán các sản phẩm tự làm, nên rất đông người dân các dân tộc Thái, Nùng, Hmông, Hà Nhì... ở hai bên biên giới Việt - Lào, Việt - Trung cùng tham gia, hàng ngày họ làm ruộng nương, chỉ đến phiên chợ mới đem hàng vượt biên hoặc đến chỗ đường biên để bán. Nhóm tiếp theo là tư thương nên số lượng người dân tộc thiểu số tham gia hiện nay chưa nhiều, họ cũng bán hàng lưu động nhưng đi đến từng bản ở vùng sâu và những nơi tuy gần chợ nhưng bán được sản phẩm. Ở phía Việt Nam, một số người dân các dân tộc Thái, Hmông và Hà Nhì có điều kiện tham gia, họ mang hàng sang bên kia biên giới, gồm gia dụng, quần áo, nông cụ, muối, mì chính, măng khô... chủ yếu vận chuyển bằng ngựa hoặc xe máy, cũng có người gánh đi bộ, đi

đến đầu chào hàng ở đó. Họ thường kết bạn với một số người ở những nơi hay đến bán hàng để ngủ qua đêm, làm cơ sở bán hàng. Đặc biệt, người Hmông phía Việt Nam còn thạo mua bán trâu bò xuyên biên giới, với lý do: có họ hàng ở cả hai bên đường biên, nuôi nhiều trâu bò ở bên kia biên giới chủ yếu người Hmông. Tại vùng biên giới Việt - Lào, người Hmông buôn bán trâu bò xuất hiện nhiều nơi, phổ biến là các huyện Kỳ Sơn (Nghệ An), Mường Lát (Thanh Hoá), Điện Biên và Mường Nhé (Điện Biên). Riêng xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn (Nghệ An) vào năm 2010 - 2011 đã có 10 người Hmông chuyên sang Lào mua trâu bò về bán cho tư thương người Việt; tại xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé (Điện Biên), tính đến năm 2013, có khoảng 8 người Hmông hay sang Lào mua trâu bò...

Khi khảo sát về người Thái và Hmông ở hai xã Mường Pồn, Thanh Luông thuộc huyện Điện Biên (tỉnh Điện Biên), trong nhiều thập niên qua người Thái và Hmông nơi đây vẫn thường xuyên vận chuyển những hàng hóa như mắm, muối, mì chính, dầu hỏa... sang Lào để trao đổi lấy gạo nương, chó, gà... hoặc bán lấy tiền với người Hmông, Thái, Khơ - mú ở bên đó. Hình thức trao đổi này đã mang nguồn thu, tăng thêm thu nhập cho gia đình và tạo ra mối quan hệ với người đồng tộc và khác tộc ở bên Lào. Theo kết quả phỏng vấn, đa số người Thái, Hmông cho biết: “Sang bên Lào chủ yếu đi bộ 2 - 3 ngày leo đồi mới đến nơi, mỗi lần đi cũng mất 7 - 10 ngày, đến khi bán hoặc đổi hết hàng mới về. Sang bên Lào không có họ hàng thì làm quen với vài hộ gia đình, kết nghĩa anh em để lấy chỗ đi lại”. Đúng vậy, đồng bào Thái hay Hmông bên Việt Nam

sang Lào trao đổi hàng hóa thường ở nhà bạn kết nghĩa, gia chủ cho ăn, nghỉ mà không lấy tiền, thậm chí giết gà thết đãi. Ngược lại, phía Lào với điều kiện còn khó khăn nên khi người dân sang Việt Nam khám, chữa bệnh... đều ở lại nhà những người bạn bên Việt Nam. Theo báo cáo của Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên, chỉ trong năm 2013, số lượng người từ hai nước Lào và Việt Nam thường xuyên qua lại biên giới tỉnh này để thăm thân, làm ăn, trao đổi mua bán, chữa bệnh... đã hơn 3.000 lượt. Ví dụ như xã Thanh Luông, nơi cửa ngõ thành phố Điện Biên, hầu như các hộ trong 35 bản của xã đã từng hoặc đang tham gia trao đổi hàng hóa tại Lào, lợi nhuận mỗi đợt đi ít nhất cũng 1 - 1,5 triệu đồng, trung bình mỗi hộ đi 2 lần/tháng. Mãi gần đây, khi kinh tế thị trường phát triển tại các khu vực vùng sâu bên Lào thì mới giảm dần số người đi trao đổi hàng hóa, chỉ thanh niên và phụ nữ còn duy trì, nam giới trung niên ít đi hơn bởi họ thường làm thuê gần nhà.

1.3. Quan hệ làm thuê qua đường biên giới

Trong khi quan hệ mua bán khá phát triển ở một số địa bàn thuộc vùng biên giới Việt - Lào thì quan hệ làm thuê lại diễn ra rất phức tạp qua đường biên giới Việt - Trung. Theo kết quả thống kê chưa đầy đủ của Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên, tính từ năm 2010 đến năm 2013, số người Hmông, Thái và Hà Nhì ở tỉnh này thường xuyên qua lại đường biên giới để làm ăn, buôn bán, thăm thân và chữa bệnh đã là 8.764 lượt người. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2013, số người Hmông và Hà Nhì đi làm thuê dài ngày ở Trung Quốc là 36 trường hợp, trong đó 26 người Hmông, 10

người Hà Nhì, chưa kể số người sáng đi tối trở về nhà; họ sang Trung Quốc để trồng chuối, làm ruộng hoặc nương với mức lương rất thấp; còn trước năm 2013, số lượng người Hmông và Hà Nhì vượt biên sang làm thuê nhiều hơn hiện nay do bên Trung Quốc trả lương khá cao. Nhìn chung, ở tỉnh Điện Biên, số người vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê không rầm rộ như ở các tỉnh Cao Bằng và Lào Cai, bởi tỉnh này có hơn 40,861km đường biên giới với Trung Quốc.

Trên địa bàn tỉnh Lào Cai, theo báo cáo của Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, tình trạng vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê diễn ra ngày càng tăng. Chỉ trong thời gian từ tháng 1/2013 đến tháng 3/2014 tại xã Si Ma Cai của huyện Si Ma Cai và xã Tả Gia Khâu của huyện Mường Khương đã có 1.150 người dân các dân tộc Hmông, Nùng, Giáy, La Chí vượt biên sang Trung Quốc làm thuê, trong đó năm 2013 có 500 người, chỉ sau tết Nguyên đán đến tháng 3/2014 đã có 650 trường hợp. Khi khảo sát tại xã Y Tý thuộc huyện Bát Xát vào tháng 4/2014, số người Hà Nhì ở đây vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê cũng khá đông, chủ yếu do phụ nữ đảm nhiệm, chỉ riêng 3 tháng đầu năm 2014 đã có gần 100 trường hợp, bởi đây là dịp nông nhàn. Đặc biệt, ngày 15/4/2014 khi còn đang tiến hành nghiên cứu tại xã Y Tý, chúng tôi đã chứng kiến một đoàn người đại diện 20 hộ gia đình Hà Nhì tại các bản trong xã này cùng đến Đồn Biên phòng đóng ở xã Y Tý để trình báo và nhờ các chiến sĩ biên phòng trợ giúp tìm kiếm người thân là phụ nữ đang làm thuê ở bên Trung Quốc kể từ sau tết Nguyên đán đến nay đã quá thời gian hứa hẹn trở về nhưng chưa thấy về đoàn tụ với gia đình.

Tại tỉnh Cao Bằng, theo báo cáo của Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, tính từ năm 2010 đến tháng 9/2012, trên địa bàn tỉnh này có 2.755 lượt công dân vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê; chỉ trong hai năm gần đây tức từ tháng 10/2011 đến tháng 10/2013 đã có khoảng 8.308 lượt công dân, trong đó có 5.629 lượt công dân ở địa bàn biên giới của tỉnh vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê, trong số này khoảng $\frac{1}{4}$ số lượt ở lại Trung Quốc dài ngày và $\frac{3}{4}$ số lượt người đi về trong ngày; về phương thức xuất cảnh, chủ yếu lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý, bảo vệ của cơ quan chức năng để vượt biên qua các đường mòn, lối mở và sử dụng giấy tờ giả mạo xuất cảnh qua cửa khẩu sang Trung Quốc; đối với địa bàn tỉnh Cao Bằng, số công dân xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê gồm các thành phần, giới tính, và nhiều lứa tuổi khác nhau, số lao động trên chủ yếu là công dân thuộc các huyện biên giới như: Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Hạ Lang, Bảo Lâm. Bên cạnh đó, lãnh đạo Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng còn nhấn mạnh rằng, tình trạng vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê không chỉ diễn ra đối với quần chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, mà còn có cả công dân các tỉnh khác như: Nghệ An, Thanh Hóa, Thái Bình, Bắc Giang, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Hà Giang... Qua thực tế tại huyện Hà Quảng, theo báo cáo của Công an huyện, từ năm 2010 đến 2013 có tới 335 trường hợp xuất cảnh sang Trung Quốc làm thuê, chưa kể các trường hợp xuất cảnh trái phép bị phía Trung Quốc trao trả, đáng chú ý là trong số này phần lớn đều dân tộc Nùng do có họ hàng ở bên kia biên giới; còn ở huyện Trà Lĩnh, theo lãnh đạo Phòng Dân tộc, thông qua báo cáo của Công an huyện,

chỉ riêng 9 tháng đầu năm 2013 đã có 603 người, chủ yếu dân tộc Nùng vượt biên sang Trung Quốc làm thuê.

1.4. Quan hệ xâm canh, thuê đất qua đường biên giới

Do khác biệt về sở hữu đất đai ở Việt Nam và Lào nên đã tạo ra một số hình thức quan hệ mới qua biên giới liên quan đến hoạt động kinh tế của các tộc người Thái, Hmông. Trước hết là việc xâm canh sang đất Lào của người dân ở nhiều địa phương phía Việt Nam. Hình thức này hiện nay đã giảm đi nhiều nhờ sự quản lý chặt chẽ của lực lượng biên phòng và việc giao ban giữa các cấp chính quyền ở hai bên đường biên. Song, cho đến gần đây vẫn có nơi như người Thái ở các bản giáp biên thuộc xã Nà Hỳ (Nậm Pồ, Điện Biên) sang phía Lào chọn đất phát nương với số tiền phải trả tùy theo thỏa thuận. Hình thức tiếp theo là di cư sang Lào để sinh sống, bởi đây là quan hệ truyền thống ở người Hmông có từ trước năm 1990. Hiện nay, việc di cư tự do đến với người thân ở bên Lào để cư trú và phát rừng làm rẫy có giảm đi, bởi một mặt, nếu chính quyền phía Lào phát hiện thì họ sẽ bị bắt trả về Việt Nam; mặt khác, hầu hết các khu vực biên giới phía Việt Nam tuy đất sản xuất khan hiếm mà lại hay xảy ra tranh chấp nhưng đời sống kinh tế - xã hội, nhất là các cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục... đều tốt hơn so với bên Lào, làm cho người dân ít muốn sang Lào để sinh cơ lập nghiệp.

Di cư tự do qua đường biên giới ngày càng khó khăn hơn bởi sự kiểm soát chặt chẽ của các lực lượng chức năng, nên hiện tại đang xuất hiện một hình thức mới trong quan hệ xâm canh qua biên giới Việt - Lào.

Đó là trường hợp người dân ở phía Việt Nam sang Lào thuê đất để làm ăn theo dạng sáng đi tối về hoặc làm lán ở đó trong vụ mùa. Cụ thể, đã có một số hộ người Hmông ở vài địa phương phía Việt Nam, trong đó điển hình là ông Lầu Chu Tủa ở bản Huổi Viêng, xã Đoọc Mạy (Kỳ Sơn, Nghệ An) do có tài trợ kinh phí của người thân ở nước ngoài nên sang bên Lào thuê đất làm trang trại. Còn số khác thì sang Lào tạm cư để làm ăn, khi khá giả thì bán đất và tài sản để trở về Việt Nam sinh sống. Theo báo cáo của Công an huyện Kỳ Sơn (tỉnh Nghệ An), đến thời điểm năm 2007, số dân trong huyện Kỳ Sơn đi làm ăn theo kiểu này có khoảng hơn 6 hộ người Hmông ở các xã Đoọc Mạy, Mường Lóng, Huổi Tụ... (Lý Hành Sơn, 2008, tr. 71-72).

Rõ ràng, quan hệ dân tộc xuyên biên giới Việt - Lào được thu hút bởi người dân các tộc người Thái và Hmông trên nhiều địa bàn ở phía Việt Nam sang bên Lào xâm canh, thuê đất trồng trọt, làm trang trại... Chưa kể, các quan hệ trong việc khai thác các nguồn lợi tự nhiên ở hai bên đường biên giới Việt - Lào. Đặc biệt, quan hệ liên quan đến việc trồng cây thuốc phiện hiện nay vẫn đang tồn tại ở một vài nơi thuộc vùng biên giới này.

2. Nguyên nhân gia tăng quan hệ dân tộc xuyên biên giới với hoạt động kinh tế

2.1. Yếu tố tộc người

Lịch sử tộc người đã tạo ra sự phân bố cư trú đồng tộc ở hai bên biên giới, tạo cơ sở hình thành ý thức lãnh thổ tộc người trù lên trên đường biên giới quốc gia, nguyên nhân của các mối quan hệ đồng tộc xuyên

biên giới (Nguyễn Nam Tiến, 1978). Đây là sợi chỉ xuyên suốt quá trình lịch sử quan hệ dân tộc xuyên biên giới của các dân tộc nói chung không chỉ ở vùng miền núi phía Bắc, mà cả các tỉnh biên giới miền Trung, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Trong bối cảnh hiện nay, với mức độ khác nhau, một số dân tộc ở vài nơi vùng miền núi phía Bắc vẫn bị chi phối bởi ý thức lãnh thổ tộc người, tuy ý thức quốc gia đang dần được củng cố. Vì thế, các quan hệ dân tộc xuyên biên giới trong lĩnh vực hoạt động kinh tế vẫn đang ngày càng phát triển dựa trên cơ sở tình cảm dòng tộc, hôn nhân, lợi ích kinh tế...

Có thể thấy, đặc điểm phân bố dân cư dân tộc cũng là nguyên nhân, tại các tỉnh miền núi phía Bắc, những dân tộc có quan hệ qua biên giới thường cư trú đối diện nhau ở hai bên đường biên. Tại vùng biên giới Việt - Lào phía Bắc, dân tộc Thái phân bố khá mật tập nhưng ít thúc đẩy quan hệ qua biên giới do bên kia ít người Thái. Trong khi đó, quan hệ qua đường biên lại nổi lên ở dân tộc Hmông, bởi người Hmông ở Lào rất đông, phân bố khá tập trung đối diện nhau dọc đường biên giới. Còn vùng biên giới Việt - Trung, người Nùng và Hà Nhì với dân số ở phía Việt Nam tuy ít, nhưng phía Trung Quốc lại rất đông, đồng thời có nhiều bản giáp biên nên đã giúp cho họ đi lại với nhau qua các quan hệ thông gia, họ hàng... Chính quan hệ dòng tộc và thông gia là lý do khởi đầu và góp phần cho phát triển các quan hệ kinh tế.

Các dân tộc Thái, Nùng, Hmông và Hà Nhì ở hai bên biên giới đều tương đồng về ngôn ngữ và các đặc trưng văn hóa, nhất là các mối liên kết họ hàng, hôn nhân nội tộc người... càng góp phần cho việc mở rộng các

mối quan hệ hoạt động kinh tế xuyên biên giới. Đặc biệt, văn hóa Hmông cho đến nay vẫn luôn tạo ra các quan hệ liên kết đồng tộc, cố kết huyết thống, mà nổi bật là những người cùng họ cùng ma dù ở đâu, trong hay ngoài nước đều là anh em, phải có nghĩa vụ giúp nhau, kể cả bảo vệ nhau mỗi khi có sự đe dọa nào đó...

Bên cạnh đó, việc sản xuất nông nghiệp hiện nay của người dân trong vùng không chỉ khá nhàn rỗi do thiếu đất mà lại áp dụng nông cụ bằng máy... nhưng thu nhập vẫn không gia tăng bởi giá thành thấp. Trong khi đó, việc phủ sóng điện thoại, đi lại và vận chuyển bằng xe máy cần phải có tiền để trang trải hàng ngày, chưa kể các chi phí khám chữa bệnh, cho con đi học... Đây là yếu tố chủ yếu tác động tới những người dân có điều kiện thực hiện các quan hệ kinh tế xuyên biên giới với những hình thức phù hợp như trao đổi mua bán, làm thuê...

2.2. Chính sách của Đảng và Nhà nước

Trên cơ sở đổi mới do Đảng ta khởi xướng, cơ chế thị trường đã làm thay đổi dần các quan hệ nương tựa nhau vốn chi phối rất lâu đời ở các dân tộc, trong đó có Thái, Nùng, Hmông và Hà Nhì, tạo ra các quan hệ mới như gia tăng trao đổi buôn bán, làm thuê, cho vay lấy lãi... Các quan hệ này đã thúc đẩy người dân tự đổi mới về cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển các dịch vụ... Vì vậy, đã xuất hiện nhiều tư thương ở mọi nơi kể cả vùng biên giới, làm cầu nối để phát triển các quan hệ kinh tế xuyên biên giới giữa các cá nhân, hộ gia đình cùng dân tộc và khác dân tộc. Song, các quan hệ đó hiện nay vẫn chỉ tập trung tạo ra thu nhập. Về cơ bản, các dân tộc vẫn duy trì một số quan hệ truyền thống, trên cơ sở mở rộng các quan

hệ mới với các cộng đồng khác tộc, các tổ chức kinh tế hay dịch vụ... nên đã nảy sinh quá trình tộc người khá phức tạp ở một vài dân tộc, nhất là dân tộc Hmông và Hà Nhì.

Thực tế cho thấy, Chương trình 135 của Chính phủ đi tới đâu là ở đó thay đổi nhanh chóng về quan hệ dân tộc trong sinh kế, chuyển đổi tập quán sản xuất... chưa kể thay đổi các quan hệ trong đời sống xã hội, văn hóa, hôn nhân hỗn hợp dân tộc, quan hệ dân tộc xuyên quốc gia... Các chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo, khám chữa bệnh, giáo dục... cũng luôn tác động tích cực đến quan hệ dân tộc xuyên biên giới ở các khu vực giáp biên, làm thay đổi nhiều khía cạnh đời sống kinh tế - xã hội của người dân. Nhờ đó, quan hệ hôn nhân qua đường biên có giảm đi, nhưng gia tăng quan hệ kinh tế qua biên giới dưới nhiều hình thức.

Ngoài ra, tác động bởi chính sách từ bên kia biên giới, nhất là chính sách *Hưng biên phú dân* của Trung Quốc cũng thu hút các quan hệ kinh tế qua đường biên giới.

2.3. Vai trò của người Việt

Với cơ chế mới hiện nay, những người Việt sống ở nông thôn các tỉnh miền núi phía Bắc, kể cả ở vùng biên giới luôn góp phần tạo ra thị trường mua bán: tiêu thụ sản phẩm, mở các dịch vụ buôn bán, trung tâm cung ứng kỹ thuật... Đây là yếu tố kích thích người dân tộc tại chỗ như Thái, Nùng, Hmông, Hà Nhì... có nhu cầu mở rộng quan hệ dân tộc để có thể sản xuất gắn với thị trường, đồng thời thúc đẩy họ trao đổi mua bán, đi làm thuê qua biên giới.

Bộ phận ngày càng nhiều doanh nhân người Việt đã và đang đến với các vùng miền thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc để

thành lập các doanh nghiệp, xí nghiệp, công ty và các cơ sở sản xuất... không chỉ thu hút và tạo việc làm cho con em các dân tộc tại chỗ, mà còn tác động đến việc chuyển đổi các tập quán quan hệ dân tộc ở mỗi tộc người, giúp họ tăng cường các quan hệ làm ăn, buôn bán trong nội vùng biên giới và xuyên biên giới quốc gia.

2.4. Tác động của toàn cầu hóa

Về tích cực, nhiều tộc người thiểu số đã từ lâu đời có quan hệ dân tộc xuyên quốc gia, nhưng trước kia còn rất hạn chế, chủ yếu qua lại viếng thăm, trao đổi hôn nhân, trợ giúp nhau... Gần đây, các quan hệ kinh tế xuyên biên giới được tăng cường với nhiều hình thức như trao đổi thông tin, hỗ trợ tài chính, giúp tìm kiếm việc làm... Đó là do toàn cầu hóa đã tạo ra những thuận lợi về hạ tầng giao thông, phương tiện đi lại. Hơn nữa, toàn cầu hóa về công nghệ thông tin, truyền thông còn làm cho họ tuy ở xa nhau vẫn có thể trao đổi công việc với nhau, thậm chí góp phần nhanh chóng thiết lập và mở rộng quan hệ với các cá nhân, tổ chức khác thông qua những cá nhân, tổ chức đã và đang có quan hệ làm ăn, buôn bán với nhau.

Về tiêu cực, nếu vài năm trước, có làn sóng di cư từ các tỉnh miền núi phía Bắc đi vào Tây Nguyên, sang Lào... thì nay do toàn cầu hóa mà diễn ra các quan hệ qua lại trên các lĩnh vực, với xu hướng cố kết về ý thức dân tộc qua biên giới và xuyên quốc gia, nhất là cố kết về tộc danh, một số đặc điểm văn hóa. Trong bối cảnh mới, những đặc điểm này là cơ sở để những người, những cộng đồng ở các quốc gia nhận biết được họ cùng dân tộc, song, làm cho vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc trở nên phức tạp hơn bởi dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng dưới mọi

hình thức, gây tiềm ẩn liên kết cố kết dân tộc - tôn giáo với mục đích chính trị...

3. Tác động của quan hệ dân tộc trong hoạt động kinh tế xuyên biên giới

3.1. Đối với phát triển kinh tế

Các quan hệ kinh tế xuyên biên giới dựa trên cơ chế thị trường và quan hệ đồng tộc đang thúc đẩy các hoạt động trao đổi mua bán, thuê lao động, đi làm thuê, cho vay lãi... Đây là yếu tố làm thay đổi dần tư duy sinh kế truyền thống ở hầu hết các dân tộc ở vùng miền núi phía Bắc, tạo ra nhu cầu sản xuất hàng hóa, kích thích phát triển các dịch vụ mua bán ở người dân. Những nơi có cơ hội buôn bán thì người dân đã biết kết hợp mở các dịch vụ, phát triển thủ công gia đình, thu gom hàng hóa... Trên cơ sở quan hệ đồng tộc qua biên giới, nhiều tư thương của các dân tộc tại chỗ đang tăng cường buôn bán qua đường biên. Nhờ gia tăng các quan hệ mới nảy sinh, người dân còn chủ động trong việc hưởng dụng các chính sách phát triển của Nhà nước, nhất là chủ động vay vốn để sản xuất hoặc trả chi phí qua lại đường biên giới để tìm kiếm việc làm... Do đó, đang từng bước làm thay đổi về cơ cấu sản xuất, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa, giảm dần sự phụ thuộc vào cây lúa. Tuy nhiên, quan hệ hoạt động kinh tế xuyên biên giới cũng nảy sinh nhiều vấn đề bức xúc:

- Các quan hệ diễn ra qua khai thác và sử dụng đất đai, trao đổi giống cây trồng, trợ giúp nhân lực... đang gây ra những nổi cộm là người dân phía Việt Nam sang Lào xâm canh, mượn hoặc thuê đất trồng trọt, nhất là việc trồng cây thuốc phiện. Vì vậy, tạo ra tình trạng nhiều người, nhất là người Hmông vượt biên trái phép và cư trú bất hợp pháp để

làm kinh tế nên dễ bị các phần tử xấu ở bên kia biên giới lôi kéo vào buôn bán ma túy, theo đạo Tin Lành...

- Tình trạng một số người Hmông phía Việt Nam sang Lào thuê đất làm trang trại dưới sự hỗ trợ kinh phí từ người thân ở Mỹ không chỉ tác động đến quan hệ xã hội trong khu vực mà còn dễ bị lợi dụng vào mục đích liên kết với các phần tử phản động thuộc cái gọi là “Chính phủ liên hợp Lào” ở Mỹ, tổ chức “Vương quốc Hmông”...

- Việc người dân các dân tộc thiểu số phía Việt Nam sang khai thác các nguồn lợi tự nhiên ở phía Lào hầu như chỉ theo tập quán nên thường bất chấp các quy định trong *Hiệp định về Quy chế biên giới Việt Nam và Lào*, do đó đã xảy ra và tiềm ẩn mâu thuẫn giữa một bộ phận người dân các dân tộc Thái, Hmông... ở hai bên đường biên giới này.

- Các quan hệ buôn bán của các tộc ở đây bắt đầu có sự phức tạp do ảnh hưởng bởi các yếu tố vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính dịch vụ mua buôn bán lẻ, kể cả mua bán qua các khâu trung gian như giao hàng, bán chịu, ép giá... nên đã và đang có những tác động xấu đến sự phát triển kinh tế, ổn định xã hội ở một số nơi thuộc miền núi phía Bắc.

- Tình trạng gia tăng số lượng người vượt biên trái phép sang Trung Quốc để làm thuê đã chứng tỏ ở phía Việt Nam thiếu việc làm, song, đang tiềm ẩn nhiều bất cập, nhất là những rủi ro cho bản thân người đi làm thuê, gây khó khăn cho địa phương trong quản lý...

3.2. Đối với đời sống xã hội, văn hóa

Quan hệ hoạt động kinh tế xuyên biên giới hiện nay chủ yếu dựa trên cơ sở họ

hàng, lán giềng tại vùng miền núi phía Bắc về cơ bản vẫn giữ được tập quán đoàn kết giữa các cộng đồng đồng tộc ở địa phương, tạo nguồn thu nhập cho gia đình, cải thiện đời sống xã hội, giữ gìn an ninh quốc phòng ở vùng này. Có nơi còn tạo ra tập quán tương trợ giữa người dân hai bên biên giới về nhiều mặt, kể cả giúp nhau bảo vệ an ninh, phát hiện kẻ xấu, cùng giữ gìn tài sản nhất là khi vật nuôi thất lạc qua biên giới. Đặc biệt là góp phần vào việc bảo tồn một số đặc điểm văn hóa tộc người ở hai bên biên giới. Tuy nhiên, vấn đề bức xúc ở đây là:

- Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, hoạt động kinh tế trên cơ sở quan hệ đồng tộc, họ hàng, hôn nhân xuyên biên giới... có thể làm tăng mối liên kết các cộng đồng đồng tộc dọc hai bên biên giới. Đối với người Hmông, đây là vấn đề nhạy cảm, bởi vừa có sự xâm nhập của đạo Tin Lành, vừa có mối liên kết ngày càng chặt chẽ với người đồng tộc Hmông ở nhiều nước trên thế giới, nên rất dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng vào mục đích ly khai.

- Các quan hệ kinh tế xuyên biên giới ở các tộc người Thái, Nùng, Hmông và Hà Nhì, một mặt góp phần làm thay đổi tư duy sinh kế truyền thống của người dân, tức phá vỡ những tập quán, tâm lý và lối làm ăn cũ, kể cả cách chi tiêu và hưởng thụ cổ truyền, không phù hợp với cơ chế mới trong hoạt động kinh tế. Song, cũng tạo ra những bất cập trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, do mở rộng giao lưu, tiếp thu các yếu tố văn hóa ngoại lai.

3.3. Đối với an ninh quốc phòng

Quan hệ dân tộc xuyên biên giới trong hoạt động kinh tế ở các tộc người, nhất là ở

người Hmông đang nảy sinh nhiều bức xúc: di cư tự do ồ ạt đến các địa bàn trọng điểm vùng biên giới và vượt biên sang Lào, rồi một số lại trở về Việt Nam mang theo đạo Tin Lành, làm cho số người Hmông ở vùng miền núi phía Bắc bị ảnh hưởng từ đạo Tin Lành ngày càng gia tăng. Trên cơ sở đó, một số ít người Hmông bị lợi dụng vào mục đích ly khai, làm chỗ dựa cho các phần tử phản động hoạt động, gây nguy cơ bạo loạn như sự kiện ở Mường Nhé năm 2011.

Trên cơ sở hoạt động kinh tế, xuất hiện hôn nhân xuyên biên giới, song vẫn theo tập quán dân tộc và không đăng ký kết hôn với chức trách địa phương, nên đã gây ra những thách thức đối với quản lý các mối quan hệ dân tộc xuyên quốc gia. Bởi chính quyền nhiều nơi hầu như không nắm được chính xác trong xã mình có mấy cặp kết hôn qua biên giới trong các thời kỳ. Chưa kể, quan hệ dân tộc xuyên biên giới trong hoạt động kinh tế còn gắn với nhiều tệ nạn xã hội như vượt biên giới trái phép, buôn bán phụ nữ và trẻ em, vận chuyển và buôn bán ma túy, truyền đạo Tin Lành... gây bất ổn về an ninh quốc phòng ở nhiều nơi.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các quan hệ kinh tế trên cơ sở quan hệ huyết thống, hôn nhân xuyên biên giới đang làm gia tăng các mối liên kết đồng tộc, đồng tôn giáo dọc hai bên biên giới, nhất là ở vùng biên giới Việt - Lào. Do đó, dễ bị các thế lực thù địch trong và ngoài nước lợi dụng để tập hợp các tín đồ tôn giáo ở nội vùng biên hoặc hai bên biên giới thành một khối liên minh liên dân tộc - tôn giáo với mục đích chính trị. Gần đây, riêng người Hmông, vấn đề này còn biểu hiện qua một số động thái như một số ít người bị lôi kéo đi đào tạo tại các khu vực tỉ

nạn ở Thái Lan và nước khác, được nhiều tổ chức Tin Lành hỗ trợ đi học, đi ra các thành phố kiếm tiền nhằm thiết lập các mạng lưới liên kết, cung cấp thông tin mật, gây ra sự coi thường xuyên tạc chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước...

4. Vấn đề quản lý các mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới

Có thể nói, việc quản lý các mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới nói chung, quan hệ hoạt động kinh tế xuyên quốc gia nói riêng tại các tỉnh biên giới cũng như các tỉnh miền núi phía Bắc vẫn đang là vấn đề nóng bỏng. Đến nay, mặc dù Đảng, Nhà nước và các cấp các ngành luôn quan tâm, đã có những nỗ lực cụ thể, song, trên thực tế, ngoài những tác động tích cực như đã đề cập, trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc vẫn đang ngày càng gia tăng mọi hình thức vận chuyển, buôn bán ma túy và vũ khí qua đường biên giới, hoạt động của phi và đạo Tin Lành, buôn bán phụ nữ và trẻ em, di cư tự do và vượt đường biên trái phép...

Hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay tuy đã được cải thiện nhiều so với trước khi thực hiện các chính sách phát triển vùng biên của Nhà nước ta¹, nhưng vẫn đang gặp không ít khó khăn, nhất là công tác cán bộ cơ sở, chủ yếu thiếu những người có đủ kiến thức, năng lực và tầm nhìn... để đáp ứng các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý có hiệu quả hơn các quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ngày càng diễn biến phức tạp trong bối cảnh cơ chế thị trường và hội nhập. Trong khi, mỗi xã thuộc các tỉnh miền

núi phía Bắc vừa rộng lớn về diện tích vừa phức tạp về địa hình, đi lại khó khăn, khu dân cư phân tán, nhất là ở nơi biên giới có nhiều lối mòn qua lại đường biên. Chưa kể đến nhu cầu tình cảm, lợi ích... của người dân các dân tộc ở vùng này, nhất là nơi biên giới đang gia tăng thông qua các quan hệ tộc người xuyên biên giới với các hình thức và nội dung quan hệ đa chiều và diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực: tập quán tộc người, hoạt động kinh tế, đời sống xã hội, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng...

Rõ ràng, quản lý các mối quan hệ tộc người xuyên biên giới ở vùng miền núi phía Bắc hiện nay vẫn đang là một vấn đề hết sức nan giải, đòi hỏi các cấp các ngành cần nhanh chóng có lời giải đáp với một phương án tối ưu nhất. Bên cạnh đó, cũng cần có nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về vấn đề này, nhằm đưa ra các giải pháp khả thi trên cơ sở luận cứ khoa học, và phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa bàn thuộc vùng miền núi này.

Một vài nhận xét và kiến nghị

- Từ lâu đời, các dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc có quan hệ qua lại đường biên với những người đồng tộc và khác dân tộc, diễn ra hầu khắp các lĩnh vực, trong đó có hoạt động kinh tế. Trong bối cảnh hiện nay, tuy các cơ sở hạ tầng được cải thiện, có thêm cửa khẩu và chợ biên giới, được Nhà nước đầu tư hỗ trợ sản xuất và chăn nuôi, song, hoạt động sản xuất của các tộc người nơi đây về cơ bản vẫn chưa có sự thay đổi mạnh mẽ so với truyền thống, chưa tạo ra thu nhập cao trong khi đất trồng trọt ngày càng bị thu hẹp, nông nhân gia tăng... Do vậy, trong bối cảnh mới, số người dân các

¹ Cụ thể là: Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003, Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 30/8/2007, Quyết định số 160/2007/QĐ-TTg ngày 17/10/2007... của Thủ tướng Chính phủ.

dân tộc nơi đây tiến hành hoạt động kinh tế xuyên biên giới với các hình thức trao đổi buôn bán, đi làm thuê, xâm canh... ngày càng nhiều. Cùng với đó cũng nảy sinh các vấn đề xã hội phức tạp: gia tăng số người qua lại đường biên, ngày càng nhiều người di cư tự do vượt biên trái phép, đẩy nhanh sự cố kết tộc người, cố kết dân tộc - tôn giáo... Có thể nói, vấn đề đặt ra hiện nay là cần có những giải pháp cụ thể và phù hợp với tình hình để quản lý ngày càng tốt hơn các mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới, trước hết là cần có một nghiên cứu sâu, mang tầm lý luận và toàn diện về vấn đề này.

- Riêng lĩnh vực hoạt động kinh tế xuyên biên giới, ở các tộc người thiểu số hiện nay đang xuất hiện và ngày càng phát triển các mối quan hệ mới theo cơ chế thị trường. Tại những nơi đa tộc người cùng sinh sống, nhất là nơi có cửa khẩu, chợ vùng biên giới... các quan hệ kinh tế mới đang tạo ra sự hội nhập dần giữa các dân tộc thiểu số với nhau và với người Việt về đời sống kinh tế, sinh hoạt vật chất, quan hệ xã hội. Ở phía Việt Nam, người Việt luôn đóng vai trò khởi đầu và tạo ra các quan hệ theo cơ chế mới để kích thích các dân tộc thiểu số cùng phát triển, nhất là tăng cường hơn các quan hệ xuyên biên giới trong hoạt động kinh tế. Bởi vậy, trên cơ sở các chính sách sắp xếp và ổn định dân cư dân tộc cần tăng cường xen cư giữa các dân tộc, đặc biệt, tạo điều kiện cho người Việt lập nghiệp tại các khu vực biên giới và những nơi chỉ cư trú một dân tộc thiểu số là hết sức quan trọng, có tầm chiến lược, phòng tránh các mối liên kết đồng tộc, dân tộc- tôn giáo... nhằm mục đích chính trị.

- Trong bối cảnh ngày càng gia tăng các hoạt động chống phá dưới nhiều hình

thức của các thế lực thù địch, việc giải quyết tốt các vấn đề quan hệ dân tộc xuyên biên giới ở vùng miền núi phía Bắc gắn với tăng cường tiềm lực an ninh quốc phòng là nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa chiến lược bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Trước mắt, Đảng và Nhà nước cần có một chiến lược riêng về phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư dân tộc ở các tỉnh biên giới thuộc miền núi phía Bắc cũng như ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2025 và tầm nhìn năm 2050.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Xuân Đính (2011), “Suy nghĩ về sự ổn định của biên giới từ thực tế phát triển kinh tế ở hai vùng biên giới Việt - Trung”, Báo cáo tại *Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2011*, Viện Dân tộc học, Hà Nội.

2. Phạm Quang Hoan (2011), *Nghiên cứu dân tộc Hmông ở vùng biên giới Lào - Việt*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Dân tộc học.

3. Nguyễn Chí Huyền, Hoàng Hoa Toàn và Lương Văn Bảo (2000), *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

4. Trần Thị Mai Lan (2011), *Một số vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc vùng biên giới của hai nước Việt Nam - Trung Quốc (Trường hợp vùng Tây Bắc Việt Nam và tỉnh Vân Nam Trung Quốc)*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Dân tộc học.

5. Đặng Thanh Phương (2010), *Một số vấn đề bức xúc của đồng bào dân tộc Tày*,

Nùng, Giáy trong quá trình phát triển kinh tế vùng biên ở Lạng Sơn và Lào Cai, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Dân tộc học.

6. Lý Hành Sơn (2008), *Quan hệ dân tộc ở vùng biên giới Việt - Lào*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Dân tộc học.

7. Nguyễn Nam Tiến (1978), “Một số suy nghĩ về lãnh thổ tộc người và các âm

muu chính trị của bọn dân tộc chủ nghĩa Sôvanh trên vấn đề biên giới quốc gia”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 76-85.

8. Vương Xuân Tình (2011), *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc dưới tác động của sự phát triển vùng biên giới Việt - Trung (Nghiên cứu về người Hà Nhì ở một làng của tỉnh Lào Cai và một làng thuộc châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc)*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Dân tộc học.



Một góc chợ xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

Ảnh: Lê Thị Thỏa